

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 78/2021/HS-ST
Ngày 22 tháng 12 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Tăng, ông Đinh Duy Quyết

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Đoàn Thanh Minh, là Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên toà: ông Trần Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/12/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2021/TLST- HS ngày 12/11/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Trần Thế S, tên gọi khác: không, sinh năm 1986 tại xã G, huyện G, tỉnh N.

Nơi cư trú: xóm Mai Sơn 2 , xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: không; giới tính: nam; trình độ văn hóa: lớp 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Nguyễn Thị D và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: ngày 08/02/2019 bị Tòa án nhân dân huyện G ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 08/02/2021; nhân thân: ngày 13/4/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Q xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 16/5/2007 đã được xóa án; ngày 15/11/2007 bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 01/10/2008 đã được xóa án; ngày 30/12/2011 bị Ủy ban nhân dân huyện G ra Quyết định số 1375 đưa vào Trung tâm chữa bệnh – Giáo dục lao động thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 28/3/2014, đã được xóa; ngày 06/7/2017 bị Công an phường Th, thành phố N xử phạt 750.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 11/8/2017 đã được xóa; ngày 29/9/2017 bị Đoàn Công an G, huyện G xử phạt số tiền 500.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 05/10/2017 đã được xóa; ngày 09/10/2015 bị Công an huyện G xử phạt số tiền 3.500.000 đồng về hành vi “đánh

bạc” và “xâm hại sức khỏe của người khác” đã được xóa; ngày 08/10/2018 bị Đoàn Công an G, huyện G xử phạt số tiền 500.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” đã được xóa; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/7/2021 tại Trại tạm giam công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: chị Phạm Thị Anh Đ, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Trú tại: số 101/71/6, tổ 24, ấp 5 Đ, huyện H, thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị Hồng H, sinh năm 1988. Vắng mặt

Trú tại: xóm Nam Ninh, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Trú tại: xóm M 2, xã G, huyện G, tỉnh N.

3. Anh Nguyễn Hữu A, sinh năm 1977. Vắng mặt- có đơn xin xử vắng mặt.

Trú tại: thôn đường 477, xã G, huyện G, tỉnh N.

4. Anh Đào Trọng N, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Trú tại: thôn Ch, xã Ph, huyện Nh, tỉnh N.

Người làm chứng: Các chị Hồ Thị Mỹ L, Ngô Thị Kim M và anh Lê Viết H. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thế S là người sử dụng ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 04/7/2021, S đạp xe đạp sơn màu bạc, loại xe nữ đã cũ, không rõ nhãn hiệu từ nhà đến đê L, xã G, huyện G, tỉnh N mục đích để tìm nơi có tài sản sơ hở, không có người trông coi để trộm cắp. Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 05/7/2021, khi S đi đến gần cổng Phòng khám đa khoa Gia Lạc thuộc xóm Đông Thắng 1, xã G, huyện G (là cơ sở cách ly tập trung phòng chống dịch bệnh Covid-19) thì nhìn thấy bên trong các phòng bệnh đều mở cửa, điện bật sáng nên S nảy sinh ý định đột nhập vào phòng khám để trộm cắp tài sản. S dựng xe đạp trên đê và đi bộ đến khu vực cổng phòng khám thấy cổng đóng nên S đi men theo bên ngoài bờ tường rào phía Nam của phòng khám. Khi đi đến khu vực bờ tường gần lán để xe, S trèo tường đi vào trong khuôn viên phòng khám và nhìn qua cửa sổ các phòng ở tầng 1 tìm sơ hở để trộm cắp thì nhìn thấy phòng cách ly đầu tiên phía Đông, tầng 1 không đóng cửa, trong phòng có chị Phạm Thị Anh Đ, sinh năm 1986, trú tại số 102/36 Trần Quang K, phường T, Quận 1, TP H (là người đang được cách ly tập trung) đang nằm ngủ ở trên giường. S đi vào phòng quan sát thấy phía cuối giường nơi chị Đ đang nằm có 01 chiếc điện thoại nhãn

hiệu Huawei Mate 30 Pro 5G, vỏ màu xanh dương đang cắm sạc; 01 dây sữa (gồm 04 hộp sữa) nhãn hiệu TH True Milk thể tích 180ml/hộp và phía hông giường sát tường có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A1K, vỏ màu đỏ. S đi đến cuối giường rút dây sạc điện thoại ra và lần lượt lấy 02 chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần soóc đang mặc, lấy 04 hộp sữa cầm ở tay rồi đi ra ngoài theo lối lách vào và lấy xe đạp đi về nhà. Về đến nhà, S đem 02 chiếc điện thoại trộm cắp được cất giấu ở vườn sau nhà, còn 04 hộp sữa S đã uống hết và vứt vỏ hộp đi. Đến khoảng 5 giờ 20 phút ngày 05/7/2021, chị Đ ngủ dậy phát hiện bị mất 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A1K, có số IMEI 862762045258839, vỏ màu đỏ (không lắp sim); 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Mate 30 Pro 5G, có số IMEI 1: 866430041004625, số IMEI 2: 866430041007925, vỏ màu xanh dương, bên trong có lắp sim số 0346695473 (trong tài khoản số thuê bao còn số tiền 180.000 đồng) và 04 hộp sữa nhãn hiệu TH True Milk thể tích 180 ml/hộp, nên đã trình báo lực lượng Công an huyện G.

Sau khi trộm cắp được tài sản của chị Đ, sáng ngày 05/7/2021, S lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K và chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Mate 30 Pro 5G để xem thì thấy 02 chiếc điện thoại đều bị khóa bằng mật khẩu nên S lên mạng học cách phá mật khẩu điện thoại. Sau khi phá được mật khẩu của chiếc điện thoại Huawei Mate 30 Pro 5G, S bấm gọi số 900 kiểm tra tài khoản thì thấy trong tài khoản sim còn số tiền 180.000 đồng nên S lấy điện thoại Huawei sử dụng để liên lạc. Đến ngày 09/7/2021, S mang chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A1K, vỏ màu đỏ, không lắp sim, đến cửa hàng điện thoại Trọng Nam của anh Đào Trọng N, sinh năm 1982 ở thôn Ch, xã P, huyện Nh, tỉnh N và bán cho anh N với giá 1.000.000 đồng. Ngày 13/7/2021, S mang chiếc điện thoại Huawei Mate 30 Pro 5G, vỏ màu xanh dương đến cửa hàng điện thoại Ánh Liễu của anh Nguyễn Hữu A, sinh năm 1977 ở thôn đường 477, xã G, huyện G và đặt chiếc điện thoại làm tin để vay của anh A số tiền 1.000.000 đồng. Ngày 18/7/2021, do sợ anh A bán chiếc điện thoại trên nên S gặp và hỏi vay tiền của chị Trần Thị Hồng H, sinh năm 1998, trú tại xóm N, xã G, huyện G (*là em gái của S*) để lấy lại điện thoại Huawei Mate 30 Pro. Tuy nhiên do chị H không có tiền nên S hỏi mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A51, vỏ màu xanh của chị H để bán lấy tiền, chị H đồng ý. Sau đó S mang chiếc điện thoại Samsung A51 của chị H đến cửa hàng điện thoại Khánh Hoàn của anh Trần Văn Hoàn, sinh năm 1989 ở thôn 1 Đồng Chùa, xã Gia Thịnh, huyện G và bán với giá 2.200.000 đồng. S lấy số tiền 1.030.000 đồng trả cho anh Nguyễn Hữu A và lấy lại chiếc điện thoại Huawei Mate 30 Pro đem về đưa cho chị H sử dụng. Số tiền còn lại, S đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 24/7/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã triệu tập làm việc với chị Trần Thị Hồng Hạnh. chị H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Mate 30 Pro 5G, màu xanh dương.

Ngày 23/7/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện G có Yêu cầu định giá tài sản số 168 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện G xác định giá trị của 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A1K, vỏ màu đỏ (không lắp sim); 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Mate 30 Pro 5G, vỏ màu xanh dương; 01 thẻ sim số 0346695473 và 04 hộp sữa nhãn hiệu TH True Milk thể tích 180ml/hộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 62/KLĐG-HĐ, ngày 29/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A1K, có số IMEI 862762045258839, vỏ màu đỏ (không lắp sim) có giá trị là 1.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Mate 30 Pro 5G, có số IMEI 1: 866430041004625, số IMEI 2: 866430041007925, vỏ màu xanh dương có giá trị là 11.000.000 đồng; 01 thẻ sim điện thoại Viettel số thuê bao 0346695473 có giá trị là 50.000 đồng; 04 hộp sữa nhãn hiệu TH True Milk thể tích 180 ml/hộp có giá trị là 32.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Trần Thế S trộm cắp được của chị Phạm Thị Anh Đ là **12.262.000 đồng** (bao gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A1K trị giá 1.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Mate 30 Pro 5G trị giá 11.000.000 đồng; 04 hộp sữa nhãn hiệu TH True Milk thể tích 180 ml/hộp trị giá 32.000 đồng; 01 thẻ sim điện thoại Viettel số thuê bao 0346695473 trị giá 50.000 đồng và số tiền 180.000 đồng trong tài khoản thuê bao 0346695473).

Quá trình điều tra, Trần Thế S đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên của mình.

Tại Bản cáo trạng số 77/CT-VKS-GV ngày 11/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Trần Thế S ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “trộm cắp tài sản”, theo khoản 1, 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện G thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Thế S như nội dung Bản cáo trạng. Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Trần Thế S phạm tội “trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 357, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự (BLDS). Xử phạt bị cáo Trần Thế S từ 24 (hai mươi bốn) tháng tù đến 27 (hai mươi bảy) tháng tù,

thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/7/2021; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Phạm Thị Anh Đ số tiền là 1.262.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo không có ý kiến đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích các chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 05/7/2021, S đi xe đạp sơn màu bạc, loại xe nữ đã cũ, không rõ nhãn hiệu đến gần cổng Phòng khám đa khoa Gia Lạc thuộc xóm Đông Thắng 1, xã G, huyện G (là cơ sở đang thực hiện cách ly tập trung phòng chống dịch bệnh Covid-19) thì nhìn thấy bên trong các phòng bệnh đều mở cửa, điện bật sáng nên S nảy sinh ý định đột nhập vào phòng khám để chiếm đoạt tài sản. S dựng xe đạp trên đê và đi bộ đến khu vực cổng phòng khám, trèo tường đi vào trong khuôn viên phòng khám và nhìn qua cửa sổ các phòng ở tầng 1 tìm sơ hở để trộm cắp thì nhìn thấy phòng cách ly đầu tiên phía Đông, tầng 1 không đóng cửa, trong phòng có chị Phạm Thị Anh Đ, đang nằm ngủ ở trên giường. S đi vào phòng lấy được 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Mate 30 Pro 5G, vỏ màu xanh dương; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A1K, vỏ màu đỏ bỏ vào túi quần soóc đang mặc, lấy 01 dây sữa (gồm 04 hộp sữa) nhãn hiệu TH True Milk thể tích 180ml/hộp cầm ở tay rồi đi ra ngoài theo lối lúc vào và lấy xe đạp đi về nhà. Như vậy, rõ ràng bị cáo S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Phạm Thị Anh Đ số tài sản có trị giá tổng số tiền là 12.262.000 đồng đúng như Bản cáo trạng và kết luận định giá tài sản đã mô tả nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của người tham gia tố tụng khác, với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “trộm cắp tài sản”. Căn cứ tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo và trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo khoản 1, 5 Điều 173 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo S không có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng là người có nhân thân rất xấu.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo là người có nhân thân rất xấu nên cần có một hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh bản thân của bị cáo S không có nghề nghiệp, không có thu nhập, phải nuôi con còn nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng.

[7]. Về trách nhiệm dân sự.

Đối với thiệt hại của chị Phạm Thị Anh Đ: chị Đ đã nhận lại 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Mate 30 Pro 5G và không yêu cầu gì đối với chiếc điện thoại này. Chị Phạm Thị Anh Đ chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A1K, có số IMEI 862762045258839, vỏ màu đỏ; 04 hộp sữa nhãn hiệu TH True Milk thể tích 180 ml/hộp; 01 thẻ sim điện thoại Viettel số thuê bao 0346695473 và số tiền 180.000 đồng, tương ứng tổng số tiền 1.262.000 đồng theo kết quả định giá là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với ý kiến của bị cáo tại phiên tòa nên cần chấp nhận.

Đối với thiệt hại của Trần Thị Hồng H. chị H không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường bất cứ khoản tiền gì khác. Các anh Nguyễn Hữu A, Đào Trọng N cũng không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên phân trách nhiệm dân sự này Tòa không xét.

Đối với chị Trần Thị Hồng H là người được Trần Thế S đưa chiếc điện thoại Huawei Mate 30 Pro 5G để sử dụng. Quá trình điều tra xác định, chị H

không biết chiếc điện thoại nêu trên là do S trộm cắp mà có. Đối với anh Nguyễn Hữu A là người đã cho S vay số tiền 1.000.000 đồng và nhận chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Mate 30 Pro 5G làm tin. Quá trình điều tra xác định, anh A không biết chiếc điện thoại mà S đặt làm tin là do trộm cắp mà có. Đối với anh Đào Trọng N là người mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K của Trần Thế S. Quá trình điều tra xác định, anh Nam không biết chiếc điện thoại mà S bán là do trộm cắp mà có. Do đó chị H, anh A và anh N không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Đối với 01 thẻ sim điện thoại Viettel số thuê bao 0346695473 là thẻ sim được gắn trong chiếc điện thoại Huawei Mate 30 Pro 5G của chị Đ. Sau khi trộm cắp chiếc điện thoại của chị Đ, S đã sử dụng thẻ sim trên để liên lạc, sau đó đã làm rơi mất, không nhớ rơi ở đâu. Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A1K, có số IMEI 862762045258839, vỏ màu đỏ (không lắp sim). Sau khi trộm cắp chiếc điện thoại trên, S đã đem bán cho anh Đào Trọng N là chủ cửa hàng điện thoại Trọng Nam ở Ch, xã P, huyện Nh, sau đó anh N đã bán cho khách qua đường. Đối với 04 hộp sữa nhãn hiệu TH True Milk thể tích 180 ml/hộp. Sau khi trộm cắp, S đã đem về nhà uống hết và vứt vỏ hộp đi. Cơ quan điều tra không thu hồi được các tài sản nêu trên nên không có căn cứ để xử lý. Đối với 01 chiếc xe đạp sơn màu bạc, loại xe nữ đã cũ, không rõ nhãn hiệu mà S sử dụng để làm phương tiện đi đến phòng khám đa khoa G trộm cắp tài sản. Đây là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị B (là mẹ đẻ của S). Việc S sử dụng chiếc xe đạp trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, bà Bấy không biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ. Do đó không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 48 BLHS; các Điều 357, 584, 585, 589 BLDS; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thế S phạm tội "trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Trần Thế S 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/7/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thế S phải bồi thường cho chị Phạm Thị Anh Đ số tiền là 1.262.000 đồng.

3. Về án phí: buộc bị cáo Trần Thế S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Người phải thi hành án, người được thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án, hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
 - VKSND tỉnh N;
 - VKSND huyện G;
 - Trại tạm giam CA tỉnh N;
 - Công an huyện G;
 - Chi cục THADS huyện G;
 - Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
 - Lưu HS, VP;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Quốc